

Bản án số: 316/2022/HS-ST

Ngày: 21-12-2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Minh Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Thanh Nhân và bà Bùi Lê Phương Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trương Bảo Long, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Cầm, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân T phố Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 281/2022/HSST ngày 15 tháng 11 năm 2022 theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 287/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Dương Văn K(Tên gọi khác: T), sinh ngày 11/6/1997, tại Hải Phòng; nơi thường trú: Thôn N, xã V, huyện B, Thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Kiệt 200 đường L, phường A, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn H (đã chết) và bà Lê Thị H, sinh năm 1978; gia đình có 02 anh em ruột, bị cáo là con thứ nhất; vợ con chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 16/6/2022 cho đến nay (bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/6/2022 đến ngày 16/6/2022). Bị cáo có mặt.

2. Nguyễn Văn C, sinh ngày 31/7/1992, tại Hải Phòng; nơi thường trú: Thôn D, xã N, huyện B, Thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Kiệt 200 đường L, phường A, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Dương Thị L (đã chết); gia đình có 02 anh em ruột, bị cáo là con thứ nhất; vợ con chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 08/8/2022 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

3. Đỗ Anh Q, sinh ngày 02/9/2001, tại Hải Phòng; nơi thường trú: Thôn D, xã N, huyện B, Thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Kiệt 200 đường L, phường A, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn Q, sinh năm 1980 và bà Đỗ Thị L, sinh năm 1981; gia đình có 03 anh em ruột, bị cáo là con thứ nhất; vợ con chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 08/8/2022 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Anh Lê D, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 31 đường Đ, phường S, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1956; địa chỉ: Số 09 đường P, phường L, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

3. Anh Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn P, xã H, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

4. Bà Trương Thị Hồng L, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 04 đường N, phường L, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

5. Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 11 đường L, phường M, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

6. Chị Nguyễn Thị PH L, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 01 đường D, phường H, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

7. Chị Hoàng Thị Thanh H, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 162 đường T, phường T, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

8. Ông Nguyễn H, sinh năm 1969; địa chỉ: TDP 7, phường H, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

9. Anh Trần Hữu Hoàng M, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 06A đường T, phường Đ, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

10. Anh Trương Quý T, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 4/36 đường C, phường G, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

11. Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 13A/20 đường D, phường T, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

12. Chị Trần Thị L, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn N, phường H, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

13. Anh Trần Hữu Quốc D, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 81 đường H, phường T, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

14. Anh Hoàng Trọng T, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 5 kiệt 39 đường P, phường P, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

15. Anh Nguyễn Tất L, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 28 đường C, phường D, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

16. Chị Phan Thị Thủy T, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 60 đường H, phường L,

Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

17. Chị Ngô Thị Minh N, sinh năm 1990; địa chỉ: TDP 1, khu vực 1, phường S, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

18. Anh Hồ Ngô Phúc Hiếu T, sinh năm 1998; địa chỉ: Lô F32 khu quy hoạch B, phường C, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

19. Bà Trần Thị L, sinh năm 1969; địa chỉ: TDP 9, khu vực 4, phường S, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

20. Anh Lê H, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 128 đường T, phường Y, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

21. Chị Nguyễn Thị Thùy V, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 99 đường M, phường G, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

22. Chị Nguyễn Hoàng Hạ U, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 277 đường X, phường Đ, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

23. Ông Nguyễn T, sinh năm 1955; địa chỉ: Số 18 đường T, phường H, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

24. Ông Hoàng Kim Đ, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 12/2 đường B, phường H, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

25. Anh Huỳnh Văn B, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 15/35 đường P, phường L, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

26. Anh Nguyễn Viết Q, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 9 kiệt 3 đường V, phường L, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

27. Chị Hà Thị A, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 146 đường T, phường C, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt;

28. Anh Đỗ Đăng G, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

29. Chị Huỳnh Thị Tuyết L, sinh năm 1986; địa chỉ: C52, khu quy hoạch L, phường L, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

30. Anh Trần Viết L; địa chỉ: Số 158 đường T, phường T, Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

31. Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ 1, khu vực 1, phường S, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

32. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 27/03/110 đường L, phường L, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

33. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1970; địa chỉ: Khu vực 7, phường H, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

34. Anh Phạm Văn V, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 202 đường X, phường Đ, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

35. Anh Lê Bá V, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 17 đường S, phường L, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

36. Chị Phan Thị T N, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 03 đường A, phường H, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

37. Chị Hoàng Thị Kim V, sinh năm 1984; địa chỉ: Tô 7, phường H, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

38. Anh Trần Văn D, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn P, xã H, T phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

39. Chị Kỳ Thị Kim D, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 158 đường T, phường T, T phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

40. Anh Trần Văn T, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 12/4/3 đường V, phường L, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

41. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 79A đường X, phường A, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

42. Ông Huỳnh Văn D; địa chỉ: Số 8/116 đường T, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 4/2022, Dương Văn K, Đỗ Anh Q và Nguyễn Văn C từ Thành phố P vào Thành phố H mang theo một số tập tờ rơi có ghi nội D “HỖ TRỢ VỐN NHANH - Tin cậy - Bảo mật - Nhanh chóng ... 0815798500” với mục đích cho người khác vay tiền để lấy lãi.

Về hình thức cho vay tiền: K là người cung cấp tiền cho vay, Q và C là người làm thuê cho K với tiền công 6.000.000 đồng/tháng; K phân công Q phụ trách rải tờ rơi và thu tiền của người vay ở địa bàn Thành phố Huế còn các địa bàn ở H Trà, Quảng Điền do C phụ trách. Khi người có nhu cầu vay gọi điện đến số điện thoại 0815798500, tùy thuộc chỗ ở của người cần vay tiền mà K sẽ cùng Q hoặc cùng C đi liên hệ cho vay. Khi gặp người vay, K thỏa T về số tiền cho vay, hình thức trả tiền (số ngày trả tiền và số tiền góp hàng ngày), số tiền góp lần đầu T và tiền phí (có người đóng, người không đóng). Để vay tiền, người vay cung cấp giấy tờ tùy thân để các đối tượng cho vay đến xác nhận chỗ ở; có người viết giấy tờ, có người không. Hàng ngày, khi cho người mới vay và thu tiền góp thì K sẽ nhập vào phần mềm quản lý có tên TD247 được lưu trong máy tính xách tay và USB của K. Đồng thời, K, C, Q sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen để lưu số điện thoại của người vay tiền. Khi K, Q, C cho vay tiền thì đưa tiền mặt, người vay sẽ góp tiền hàng ngày bằng tiền mặt hoặc chuyển qua tài khoản ngân hàng. Để quản lý và phân biệt người vay tiền do ai phụ trách, K quy ước số “1” ở mục “Tên khách hàng” do Q quản lý, tương tự số “2” do K quản lý.

Qua việc xác minh về tình trạng rải tờ rơi trên địa bàn Thành phố H, ngày 08/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế mời K, C, Q làm việc, cả 03 đối tượng xác nhận việc cho vay như trên.

Về PH thức và thông tin cụ thể việc cho vay như sau:

- Số tiền cho vay: Từ 5.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng tùy thuộc nhu cầu của người vay tiền;

- Chu kỳ vay (số ngày phải trả số tiền vay) gồm: 40 ngày, 48 ngày, 50 ngày hoặc 60 ngày.

- Lãi suất cho vay: Từ 121,67%/năm đến 182,50%/năm, cao gấp 6,08 lần đến 9,13 lần mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2015 (mức lãi suất quy định cao nhất là 20%/năm);

- Số tiền góp hàng ngày: Tùy thuộc khả năng của người vay dao động từ 150.000 đồng đến 2.000.000 đồng mỗi ngày;

- Tiền phí: Tùy thuộc vào sự thoả T của hai bên, có một số người K thu phí, một số người không thu phí.

Với pH thức cho vay như trên, trong khoảng thời gian từ tháng 4/2022 đến ngày 08/6/2022 đã chứng minh được Dương Văn K, Nguyễn Văn C, Đỗ Anh Q đã cho 95 người vay (trả góp gốc và lãi hàng ngày) với tổng số 105 lượt vay, tổng số tiền dùng cho vay là 1.396.000.000 đồng với mức lãi suất cho vay cao gấp 6,08 lần đến 9,13 lần mức lãi suất mà pháp luật quy định. Tổng số tiền lãi ở mức 20%/năm là 2.811.570 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 97.811.484 đồng (trong đó tiền phí là 5.950.000 đồng), cụ thể như sau:

* Đối với những người vay tiền đã làm rõ thông tin lai lịch: Có 40 người với 50 lượt vay, số tiền thu lợi bất chính là: 60.891.898 đồng (trong đó tiền phí là 5.950.000 đồng), gồm:

1. Anh Lê D, ký hiệu: 1_Lê D.

Ngày 01/6/2022, anh D vay từ K và Q số tiền 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 150.000 đồng; thời hạn vay 40 ngày, không lấy tiền phí, tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,5%/ngày, tương đương 182,50%/năm và vượt 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q và anh D thống nhất đóng trước số tiền 1.050.000 đồng nên đưa cho anh D số tiền 3.950.000 đồng. Khoản vay này, anh D trả được 07 ngày với số tiền 1.050.000 đồng (trong đó tiền gốc 875.000 đồng, tiền lãi 175.000 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 155.822 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 19.178 đồng. Sau đó, anh D đã tự nguyện trả lại cho K số tiền gốc còn lại của khoản vay là 4.125.000 đồng.

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ D, ký hiệu: 1_Nguyễn Thị Mỹ D.

Ngày 01/6/2022, bà D vay từ K và Q số tiền 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 150.000 đồng; thời hạn vay 40 ngày, tiền phí là 200.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 6.200.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,5%/ngày, tương đương 182,50%/năm và vượt 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q thu trước 02 ngày là 300.000 đồng cộng thêm tiền phí nên đưa cho bà D số tiền 4.500.000 đồng. Khoản vay này bà D trả được 6 ngày với số tiền 900.000 đồng (trong đó tiền gốc 750.000 đồng, tiền lãi 150.000 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (bao gồm tiền phí và lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 333.562 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 16.438 đồng. Sau đó, bà D đã tự nguyện trả cho K số tiền gốc của khoản vay là 4.250.000 đồng.

3. Anh Huỳnh Ngọc T, ký hiệu: 1_Huỳnh Ngọc T.

Ngày 31/5/2022, anh T vay từ K và Q số tiền 15.000.000 đồng, mỗi ngày trả 400.000 đồng; thời hạn vay 45 ngày, tiền phí 300.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 18.300.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,44%/ngày, tương đương 162,22%/năm và vượt 8,11 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q thu trước 03 ngày cộng thêm tiền phí nên đưa cho anh T số tiền 13.500.000 đồng. Khoản vay này anh T trả được 8 ngày với số tiền 3.200.000 đồng (trong đó tiền gốc 2.666.667 đồng, tiền lãi 533.333 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (tiền phí và lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 767.580 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 65.753 đồng. Sau đó, anh T đã tự nguyện trả cho K số tiền gốc còn lại của khoản vay là 12.333.333 đồng.

4. Chị Trương Thị Hồng L, ký hiệu: 1_Trương Thị Hồng L.

Ngày 30/5/2022, chị L vay từ K và Q số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 250.000 đồng; thời hạn vay 48 ngày, tiền phí 300.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,42%/ngày, tương đương 152,08%/năm và vượt 7,60 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q thu trước 03 ngày cộng thêm tiền phí nên đưa cho chị L số tiền 8.950.000 đồng. Khoản vay này chị L trả được 8 ngày với số tiền 2.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 1.666.667 đồng, tiền lãi 333.333 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (tiền phí và lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 589.498 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 43.835 đồng. Sau đó, chị L đã tự nguyện trả cho K số tiền gốc còn lại của khoản vay là 8.333.333 đồng.

5. Chị Nguyễn Ngọc T, ký hiệu: 1_Nguyễn Ngọc T 1. Chị T vay của K và Q 03 lần như sau:

Lần 1: Ngày 26/5/2022, chị T vay từ K và Q số tiền 50.000.000 đồng, mỗi ngày trả 1.000.000 đồng; thời hạn vay 60 ngày, không có tiền phí, tổng số tiền phải trả là 60.000.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,33%/ngày, tương đương 121,67%/năm và vượt 6,08 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q và chị T thống nhất đóng trước 3.500.000 đồng nên chị T nhận được số tiền 46.500.000 đồng. Khoản vay này chị T trả được 12 ngày với số tiền 12.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 2.000.000 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 1.671.233 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 328.767 đồng. Sau đó, chị T đã trả cho K số tiền gốc còn lại của khoản vay là: 40.000.0000 đồng.

Lần 2: Ngày 29/5/2022, chị T vay từ K và Q số tiền 50.000.000 đồng, mỗi ngày trả 1.000.000 đồng; thời hạn vay 60 ngày, không có tiền phí, tổng số tiền phải trả là 120.000.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,33%/ngày, tương đương 121,67%/năm và vượt 6,08 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q và chị T thống nhất đóng trước 3.500.000 đồng nên chị T nhận được số tiền 46.500.000 đồng. Khoản vay này chị T trả được 9 ngày với số tiền 9.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 7.500.000 đồng, tiền lãi 1.500.000 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 1.253.425 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 246.575 đồng. Sau đó, chị T đã trả cho K số tiền gốc còn lại của khoản vay là: 42.500.0000 đồng.

Lần 3: Ngày 30/5/2022, chị T vay từ K và Q số tiền 100.000.000 đồng, mỗi ngày trả 2.000.000 đồng; thời hạn vay 60 ngày, không có tiền phí, tổng số tiền phải trả là 120.000.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,33%/ngày, tương đương 121,67%/năm và vượt 6,08 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q và chị T thống nhất đóng trước 7.000.000 đồng nên chị T nhận được số tiền 93.000.000 đồng. Khoản vay này chị T trả được 8 ngày với số tiền 16.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 13.333.333 đồng, tiền lãi 2.666.667 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 2.228.311 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 438.356 đồng. Sau đó, chị T đã trả cho K số tiền gốc còn lại của khoản vay là: 86.666.667 đồng.

6. Chị Nguyễn Thị PH L, ký hiệu: 2_Nguyễn Thị PH L.

Ngày 29/5/2022, chị L vay từ K và C số tiền 20.000.000 đồng, mỗi ngày trả 500.000 đồng; thời hạn vay 48 ngày, không có tiền phí, tổng số tiền phải trả là 24.000.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,42%/ngày, tương đương 152,08%/năm và vượt 7,60 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q thu trước 500.000 đồng nên đưa cho chị L số tiền 19.500.000 đồng. Khoản vay này chị L trả được 9 ngày với số tiền 4.500.000 đồng (trong đó tiền gốc 3.750.000 đồng, tiền lãi 750.000 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 651.370 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 98.630 đồng. Sau đó, chị L đã tự nguyện trả cho K số tiền gốc còn lại của khoản vay là: 16.250.000 đồng.

7. Chị Hoàng Thị Thanh H, ký hiệu: 1_Hoàng Thị Thanh H.

Ngày 28/5/2022, chị H vay từ K và Q số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng; thời hạn vay 60 ngày, không có tiền phí, tổng số tiền phải trả là 12.000.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,33%/ngày, tương đương 121,67%/năm và vượt 6,08 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q và chị H thống nhất đóng trước 700.000 đồng nên chị H nhận được số tiền 9.300.000 đồng. Khoản vay này chị H trả được 10 ngày với số tiền 2.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 1.666.667 đồng, tiền lãi 333.333 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 278.539 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 54.794 đồng. Sau đó, chị H đã tự nguyện trả cho K số tiền gốc còn lại của khoản vay là: 8.333.333 đồng.

8. Nguyễn H, ký hiệu: 2_Nguyễn H.

Ngày 27/5/2022, anh H vay từ K và C số tiền 20.000.000 đồng, mỗi ngày trả 400.000 đồng; thời hạn vay 60 ngày, không có tiền phí, tổng số tiền phải trả là 24.000.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,33%/ngày, tương đương 121,67%/năm và vượt 6,08 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q thu trước 02 ngày nên đưa cho anh H số tiền 19.200.000 đồng. Khoản vay này anh H trả được 11 ngày với số tiền 4.400.000 đồng (trong đó tiền gốc 3.666.667 đồng, tiền lãi 733.333 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 612.785 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 120.547 đồng. Sau đó, anh H đã tự nguyện trả cho K số tiền gốc còn lại của khoản vay là: 16.333.333 đồng.

9. Anh Trần Hữu Hoàng M, ký hiệu: 1_Trần Hữu Hoàng M. Anh M vay của K và Q hai lần:

Lần 1: Ngày 15/4/2022, anh M vay từ K và Q số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng; thời hạn vay 60 ngày, không có tiền phí, tổng số tiền phải trả là 12.000.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,33%/ngày, tương đương 121,67%/năm và vượt 6,08 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q thu trước 03 ngày nên đưa cho anh M số tiền 9.400.000 đồng. Khoản vay này anh M trả đủ 60 ngày với số tiền 12.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 2.000.000 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 1.671.233 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 328.767 đồng.

Lần 2: Ngày 26/5/2022, anh M vay từ K và Q số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng; thời hạn vay 60 ngày, không có tiền phí, tổng số tiền phải trả là 12.000.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,33%/ngày, tương đương 121,67%/năm và vượt 6,08 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q thu tiền còn thiếu của khoản vay trước nên đưa cho anh M số tiền 5.700.000 đồng. Khoản vay này anh M trả được 12 ngày với số tiền 2.400.000 đồng (trong đó tiền gốc 2.000.000 đồng, tiền lãi 400.000 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 334.247 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 65.753 đồng. Sau đó, anh M đã tự nguyện trả lại cho K số tiền gốc là 5.000.000 đồng. Số tiền gốc còn lại của khoản vay là: 3.000.000 đồng.

10. Anh Trương Quý T, ký hiệu: 1_Trương Quý T.

Ngày 26/5/2022, anh Thường vay từ K và Q số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng; thời hạn vay 60 ngày, không có tiền phí, tổng số tiền phải trả là 12.000.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,33%/ngày, tương đương 121,67%/năm và vượt 6,08 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q thu trước 03 ngày nên đưa cho anh Thường số tiền 9.400.000 đồng. Khoản vay này anh Thường trả được 12 ngày với số tiền 2.400.000 đồng (trong đó tiền gốc 2.000.000 đồng, tiền lãi 400.000 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 334.247 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 65.753 đồng. Số tiền gốc còn lại là: 8.000.0000 đồng.

11. Chị Hoàng Thị T, ký hiệu: 1_Hoàng Thị T. Chị T vay của K và Q hai lần:

Lần 1: Tháng 4/2022, chị T vay từ K và Q số tiền 20.000.000 đồng, mỗi ngày trả 400.000 đồng; thời hạn vay 60 ngày, tiền phí 400.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 24.400.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,33%/ngày, tương đương 121,67%/năm và vượt 6,08 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q thu trước 03 ngày và tiền phí nên đưa cho chị T số tiền 18.400.000 đồng. Khoản vay này chị T trả đủ 60 ngày với số tiền 24.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 20.000.000 đồng, tiền lãi 4.000.000 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (Tiền phí và lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 3.742.466 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 657.534 đồng.

Lần 2: Ngày 25/5/2022, chị T vay từ K và Q số tiền 20.000.000 đồng, mỗi ngày trả 400.000 đồng; thời hạn vay 60 ngày, không lấy tiền phí, tổng số tiền phải trả là 24.000.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,33%/ngày, tương đương 121,67%/năm và vượt 6,08 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q trừ 03 ngày góp nên đưa cho chị T số tiền 18.800.000 đồng. Khoản vay này chị T trả được 12

ngày với số tiền 4.800.000 đồng (trong đó tiền gốc 4.000.000, tiền lãi 800.000 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 668.493 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 131.507 đồng. Sau đó, chị T đã tự nguyện trả lại cho K số tiền gốc là 16.000.000 đồng.

12. Chị Trần Thị L, ký hiệu: 1_Trần Thị L. Chị L vay của K và Q hai lần:

Lần 1: Ngày 18/4/2022, chị L vay từ K và Q số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng; thời hạn vay 60 ngày, tiền phí 300.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,33%/ngày, tương đương 121,67%/năm và vượt 6,08 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q thu trước 03 ngày và tiền phí nên đưa cho chị T số tiền 9.100.000 đồng. Khoản vay này chị L trả đủ 60 ngày với số tiền 12.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 2.000.000 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (Tiền phí và lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 1.971.233 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 328.767 đồng.

Lần 2: Ngày 24/5/2022, chị L vay từ K và Q số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng; thời hạn vay 60 ngày, tiền phí 300.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,33%/ngày, tương đương 121,67%/năm và vượt 6,08 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q thu một ngày, trừ đi số tiền còn nợ của khoản trước và tiền phí nên đưa cho chị L số tiền 4.500.000 đồng. Khoản vay này chị L trả được 13 ngày với số tiền 2.600.000 đồng (trong đó tiền gốc 2.166.667 đồng, tiền lãi 433.333 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (Tiền phí và lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 662.100 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 71.233 đồng. Số tiền gốc còn lại của khoản vay là 7.833.333 đồng.

13. Anh Trần Hữu Quốc D, ký hiệu: 1_Trần Hữu Quốc D. Anh D vay của K và Q hai lần:

Lần 1: Vào giữa tháng 4/2022, anh D vay từ K và Q số tiền 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 150.000 đồng; thời hạn vay 40 ngày, không lấy tiền phí, tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,5%/ngày, tương đương 182,50%/năm và vượt 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q và anh D thống nhất đóng trước 1.550.000 đồng nên đưa cho anh D số tiền 3.450.000 đồng. Khoản vay này anh D đã trả đủ với số tiền 6.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 5.000.000 đồng, tiền lãi 1.000.000 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 890.411 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 109.589 đồng.

Lần 2: Ngày 24/5/2022, anh D vay từ K và Q số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 250.000 đồng; thời hạn vay 48 ngày, không lấy tiền phí, tổng số tiền phải trả là 12.000.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,42%/ngày, tương đương 152,08%/năm và vượt 7,06 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q trừ 03 ngày nên đưa cho anh D số tiền 9.250.000 đồng. Khoản vay này anh D đã trả được 14 ngày với số tiền 3.500.000 đồng (trong đó tiền gốc 2.916.667, tiền lãi 583.333 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 506.621 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 76.712 đồng. Sau đó anh D đã tự nguyện trả cho K số tiền gốc còn lại của khoản vay là 7.083.333 đồng.

14. Anh Hoàng Trọng T, ký hiệu: 1_Hoàng Trọng T.

Ngày 24/5/2022, anh T vay từ K và Q số tiền 8.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng; thời hạn vay 50 ngày, không lấy tiền phí, tổng số tiền phải trả là 10.000.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,5%/ngày, tương đương 182,50%/năm và vượt 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q và anh T thống nhất đóng trước số tiền là 700.000 đồng nên đưa cho anh T số tiền 7.300.000 đồng. Khoản vay này anh T trả được 17 ngày với số tiền 3.400.000 đồng (trong đó tiền gốc 2.720.000 đồng, tiền lãi 680.000 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 605.479 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 74.520 đồng. Sau đó, anh T đã tự nguyện trả lại cho K số tiền gốc là 5.280.000 đồng.

15. Anh Nguyễn Tất L, ký hiệu: 1_Nguyễn Tất L.

Ngày 21/5/2022, anh L vay từ K và Q số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 300.000 đồng; thời hạn vay 40 ngày, tiền phí 200.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 12.200.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,50%/ngày, tương đương 182,50%/năm và vượt 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q thu trước 02 ngày và tiền phí nên đưa cho anh L số tiền 9.200.000 đồng. Khoản vay này anh L đã trả được 18 ngày với số tiền 5.400.000 đồng (trong đó tiền gốc 4.500.000 đồng, tiền lãi 900.000 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (phí và lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 1.001.370 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 98.630 đồng. Sau đó, anh L đã tự nguyện trả cho K số tiền gốc còn lại là: 5.500.000 đồng.

16. Chị Phan Thị Thủy T, ký hiệu: 1_Phan Thị Thủy T.

Ngày 21/5/2022, chị T vay từ K và Q số tiền 30.000.000 đồng, mỗi ngày trả 600.000 đồng; thời hạn vay 60 ngày, không lấy tiền phí, tổng số tiền phải trả là 36.000.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,33%/ngày, tương đương 121,67%/năm và vượt 6,08 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q thu 04 ngày đầu nên đưa cho chị T số tiền 27.600.000 đồng. Chị T trả được 18 ngày với số tiền 10.800.000 đồng (trong đó tiền gốc 9.000.000 đồng, tiền lãi 1.800.000 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 1.504.110 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 295.890 đồng. Số tiền gốc còn lại của khoản vay là 21.000.000 đồng.

17. Chị Ngô Thị Minh N, ký hiệu: 1_Ngô Thị Minh N.

Ngày 21/5/2022, chị N vay từ K và Q số tiền 8.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng; thời hạn vay 50 ngày, không lấy tiền phí, tổng số tiền phải trả là 10.000.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,5%/ngày, tương đương 182,50%/năm và vượt 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q thu trước 4 ngày nên đưa cho chị N số tiền 7.200.000 đồng. Khoản vay này chị N trả được 17 ngày với số tiền 3.400.000 đồng (trong đó tiền gốc 2.720.000 đồng, tiền lãi 680.000 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 605.479 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 74.521 đồng. Sau đó, chị N đã tự nguyện trả lại cho K số tiền gốc còn lại là 5.280.000 đồng.

18. Anh Hồ Ngô Phúc Hiếu T, ký hiệu: 1_Hồ Ngô Phúc Hiếu T.

Ngày 21/5/2022, anh T vay từ K và Q số tiền 8.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng; thời hạn vay 50 ngày, không lấy tiền phí, tổng số tiền phải trả là 10.000.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,5%/ngày, tương đương 182,50%/năm và vượt 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q và anh T thống nhất đóng trước 03 ngày số tiền là 600.000 đồng nên đưa cho anh T số tiền 7.400.000 đồng. Khoản vay này anh T trả được 43 ngày với số tiền 8.600.000 đồng (trong đó tiền gốc 6.880.000 đồng, tiền lãi 1.720.000 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 1.531.507 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 188.493 đồng. Sau đó, anh T đã tự nguyện trả cho K số tiền gốc là 1.120.000 đồng.

19. Chị Trần Thị L, ký hiệu: 1_Trần Thị L.

Ngày 20/5/2022, chị L vay từ K và Q số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 300.000 đồng; thời hạn vay 40 ngày, tiền phí 300.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,5%/ngày, tương đương 182,50%/năm và vượt 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q thu trước 02 ngày và tiền phí nên đưa cho chị L số tiền 9.100.000 đồng. Khoản vay này chị L đã trả được 18 ngày với số tiền 5.400.000 đồng (trong đó tiền gốc 4.500.000 đồng, tiền lãi 900.000 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (Phí và lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 1.101.370 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 98.630 đồng. Số tiền gốc còn lại là: 5.500.000 đồng.

20. Anh Lê H, ký hiệu: 1_Lê H. Anh H vay của K và Q hai lần:

Lần 1: Vào giữa tháng 4/2022, anh H vay từ K và Q số tiền 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 150.000 đồng; thời hạn vay 40 ngày, tiền phí 150.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 6.150.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,5%/ngày, tương đương 182,50%/năm và vượt 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q thu trước 02 ngày cộng thêm tiền phí nên đưa cho anh H số tiền 4.550.000 đồng. Khoản vay này anh H đã trả đủ với số tiền 6.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 5.000.000 đồng, tiền lãi 1.000.000 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (tiền phí và lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 1.040.411 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 109.589 đồng.

Lần 2: Ngày 19/5/2022, anh H vay từ K và Q số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 250.000 đồng; thời hạn vay 48 ngày, tiền phí 200.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 12.200.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,42%/ngày, tương đương 152,08%/năm và vượt 7,06 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q thu trước 02 ngày cộng thêm tiền phí nên đưa cho anh H số tiền 9.300.000 đồng. Khoản vay này anh H đã trả được 18 ngày với số tiền 4.500.000 đồng (trong đó tiền gốc 3.750.000, tiền lãi 750.000 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (tiền phí và lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 851.370 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 98.630 đồng. Sau đó anh H đã tự nguyện trả cho K số tiền gốc còn lại của khoản vay là 6.250.000 đồng.

21. Chị Nguyễn Thị Thùy V, ký hiệu: 1_Nguyễn Thị Thùy V.

Ngày 18/5/2022, chị V vay từ K và Q số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 300.000 đồng; thời hạn vay 40 ngày, không lấy phí, tổng số tiền phải trả là

12.000.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,50%/ngày, tương đương 182,50%/năm và vượt 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q thu trước 03 ngày nên đưa cho chị V số tiền 9.100.000 đồng. Khoản vay này chị V đã trả được 19 ngày với số tiền 5.700.000 đồng (trong đó tiền gốc 4.750.000 đồng, tiền lãi 950.000 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 845.890 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 104.109 đồng. Sau đó chị V đã tự nguyện trả cho K số tiền gốc còn lại của khoản vay là: 5.250.000 đồng.

22. Chị Nguyễn Hoàng Hạ U, ký hiệu: 1_Nguyễn Hoàng Hạ U.

Ngày 18/5/2022, chị U vay từ K và Q số tiền 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 150.000 đồng; thời hạn vay 40 ngày, không lấy tiền phí, tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,5%/ngày, tương đương 182,50%/năm và vượt 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q và chị U thống nhất đóng trước 500.000 đồng nên đưa cho chị U số tiền 4.500.000 đồng. Khoản vay này chị U đã trả được 21 ngày với số tiền 3.150.000 đồng (trong đó tiền gốc 2.625.000 đồng, tiền lãi 525.000 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 467.466 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 57.534 đồng. Sau đó, chị U đã tự nguyện trả cho K số tiền gốc còn lại là 2.375.000 đồng.

23. Anh Nguyễn T, ký hiệu: 2_Nguyễn T.

Ngày 18/5/2022, anh T vay từ K và C số tiền 15.000.000 đồng, mỗi ngày trả 300.000 đồng; thời hạn vay 60 ngày, không lấy tiền phí, tổng số tiền phải trả là 18.000.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,33%/ngày, tương đương 121,67%/năm và vượt 6,08 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, C và anh T thống nhất đóng trước 1.300.000 đồng nên anh T nhận được số tiền 13.700.000 đồng. Khoản vay này anh T trả được 18 ngày với số tiền 5.400.000 đồng (trong đó tiền gốc 4.500.000 đồng, tiền lãi 900.000 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 752.055 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 147.945 đồng. Sau đó, anh T đã tự nguyện trả cho K số tiền gốc là: 10.500.000 đồng.

24. Anh Hoàng Kim Đ, ký hiệu: 2_Hoàng Kim Đ.

Ngày 18/5/2022, anh Đ vay từ K và C số tiền 20.000.000 đồng, mỗi ngày trả 400.000 đồng; thời hạn vay 60 ngày, không lấy tiền phí, tổng số tiền phải trả là 24.000.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,33%/ngày, tương đương 121,67%/năm và vượt 6,08 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q thu trước 02 ngày nên anh Đ nhận được số tiền 19.200.000 đồng. Khoản vay này anh Đ trả được 19 ngày với số tiền 7.600.000 đồng (trong đó tiền gốc 6.333.333 đồng, tiền lãi 1.266.667 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 1.058.447 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 208.219 đồng. Sau đó, anh Đ đã tự nguyện trả cho K số tiền gốc còn lại là 13.666.667 đồng.

25. Anh Huỳnh Văn B, ký hiệu: 1_Huỳnh Văn B.

Ngày 18/5/2022, anh B vay từ K và Q số tiền 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 150.000 đồng; thời hạn vay 40 ngày, tiền phí 200.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 6.200.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,5%/ngày, tương đương 182,50%/năm và vượt 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q thu trước 3 ngày cộng thêm tiền phí nên đưa cho anh B số tiền 4.350.000 đồng. Khoản vay này anh B đã trả được

20 ngày với số tiền 3.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 2.500.000 đồng, tiền lãi 500.000 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (tiền phí và lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 645.205 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 54.795 đồng. Sau đó, anh B đã tự nguyện trả lại cho K số tiền gốc còn lại là 2.500.000 đồng.

26. Anh Nguyễn Việt Q, ký hiệu: 1_Nguyễn Việt Q.

Ngày 17/5/2022, anh Q vay từ K và Q số tiền 20.000.000 đồng, mỗi ngày trả 500.000 đồng; thời hạn vay 48 ngày, không lấy tiền phí, tổng số tiền phải trả là 24.000.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,42%/ngày, tương đương 152,08%/năm và vượt 7,60 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q và anh Q thống nhất đóng trước 06 ngày góp nên anh Q nhận số tiền 17.000.000 đồng. Khoản vay này anh Q trả được 20 ngày với số tiền 1.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 8.333.333, tiền lãi 1.666.667 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 1.447.489 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 219.178 đồng. Sau đó, anh Q đã tự nguyện trả lại cho K số tiền gốc còn lại là: 11.666.667 đồng.

27. Chị Hà Thị A, ký hiệu: 2_Hà Thị A. Chị A vay của K và C hai lần:

Lần 1: Ngày 09/4/2022, chị A vay từ K và C số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 300.000 đồng; thời hạn vay 40 ngày, tiền phí 300.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,5%/ngày, tương đương 182,50%/năm và vượt 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, C đóng trước 03 ngày cộng thêm phí nên chị A nhận được số tiền 8.800.000 đồng. Khoản vay này chị A đã trả đủ với số tiền 12.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 2.000.000 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (Phí và lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 2.080.822 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 219.178 đồng.

Lần 2: Ngày 17/5/2022, chị A vay từ K và C số tiền 8.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng; thời hạn vay 50 ngày, tiền phí 200.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 10.200.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,5%/ngày, tương đương 182,50%/năm và vượt 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, C đóng trước 03 ngày cộng thêm phí nên chị A nhận được số tiền 7.200.000 đồng. Khoản vay này chị A đã trả được 22 ngày với số tiền 4.400.000 đồng (trong đó tiền gốc 3.520.000 đồng, tiền lãi 880.000 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 983.562 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 96.438 đồng. Sau đó, chị A đã tự nguyện trả lại cho K số tiền gốc còn lại là 4.480.000 đồng.

28. Anh Đỗ Đăng G, ký hiệu: 2_Đỗ Đăng G.

Ngày 17/5/2022, anh G vay từ K và C số tiền 50.000.000 đồng, mỗi ngày trả 1.000.000 đồng; thời hạn vay 60 ngày, không lấy tiền phí, tổng số tiền phải trả là 60.000.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,33%/ngày, tương đương 121,67%/năm và vượt 6,08 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, C thu trước 03 ngày đầu nên đưa cho anh G số tiền 47.000.000 đồng. Khoản vay này anh G trả được 22 ngày với số tiền 22.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 18.333.333 đồng, tiền lãi 3.666.667 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm)

là: 3.063.927 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 602.740 đồng. Sau đó anh G đã tự nguyện trả lại cho K số tiền gốc còn lại của khoản vay là 31.666.667 đồng.

29. Chị Huỳnh Thị Tuyết L, ký hiệu: 1_Huỳnh Thị Tuyết L.

Ngày 16/5/2022, chị L vay từ K và Q số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 300.000 đồng; thời hạn vay 40 ngày, không lấy phí, tổng số tiền phải trả là 12.000.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,50%/ngày, tương đương 182,50%/năm và vượt 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q và chị L thống nhất đóng trước 04 ngày nên chị L nhận được số tiền 8.800.000 đồng. Khoản vay này chị L đã trả được 21 ngày với số tiền 6.300.000 đồng (trong đó tiền gốc 5.250.000 đồng, tiền lãi 1.050.000 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 934.932 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 115.068 đồng. Sau đó, chị L đã tự nguyện trả lại cho K số tiền gốc còn lại của khoản vay là: 4.750.000 đồng.

30. Anh Trần Việt L, ký hiệu: 1_Trần Việt L.

Ngày 16/5/2022, anh L vay từ K và Q số tiền 20.000.000 đồng, mỗi ngày trả 400.000 đồng; thời hạn vay 60 ngày, không lấy tiền phí, tổng số tiền phải trả là 24.000.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,33%/ngày, tương đương 121,67%/năm và vượt 6,08 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q và anh L thống nhất đóng trước 1.800.000 đồng nên anh L nhận được số tiền 18.200.000 đồng. Khoản vay này anh L trả được 22 ngày với số tiền 8.800.000 đồng (trong đó tiền gốc 7.333.333 đồng, tiền lãi 1.466.667 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 1.225.571 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 241.096 đồng. Số tiền gốc còn lại là 12.666.667 đồng.

31. Chị Nguyễn Thị G, ký hiệu: 1_Nguyễn Thị G. Chị G vay của K và Q 02 lần:

Lần 1: Ngày 22/4/2022, chị G vay từ K và Q số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 300.000 đồng; thời hạn vay 40 ngày, lấy phí 300.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,50%/ngày, tương đương 182,50%/năm và vượt 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q và chị G thống nhất đóng trước 02 ngày cộng với tiền phí nên chị G nhận được số tiền 9.100.000 đồng. Khoản vay này chị G đã trả đủ 40 ngày với số tiền 12.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 2.000.000 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (tiền phí và lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 2.080.822 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 219.178 đồng.

Lần 2: Ngày 15/5/202, chị G vay từ K và Q số tiền 15.000.000 đồng, mỗi ngày trả 400.000 đồng; thời hạn vay 45 ngày, lấy phí 400.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 18.400.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,44%/ngày, tương đương 162,22%/năm và vượt 8,11 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q và chị G thống nhất đóng trước 02 ngày cộng với tiền phí nên chị G nhận được số tiền 13.800.000 đồng. Khoản vay này chị G đã trả đủ 24 ngày với số tiền 9.600.000 đồng (trong đó tiền gốc 8.000.000 đồng, tiền lãi 1.600.000 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (tiền phí và lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là:

1.802.740 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 197.260 đồng. Sau đó chị G đã tự nguyện trả lại cho K số tiền gốc của khoản vay là 7.000.000 đồng.

32. Chị Nguyễn Thị T, ký hiệu: 1_Nguyễn Thị T.

Ngày 15/5/2022, chị T vay từ K và Q số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng; thời hạn vay 60 ngày, tiền phí 200.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 12.200.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,33%/ngày, tương đương 121,67%/năm và vượt 6,08 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q và chị T thống nhất đóng trước 09 ngày cộng thêm tiền phí nên chị T nhận được số tiền 8.000.000 đồng. Khoản vay này chị T trả được 23 ngày với số tiền 4.600.000 đồng (trong đó tiền gốc 3.833.333 đồng, tiền lãi 766.667 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (tiền phí và lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 840.639 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 126.027 đồng. Sau đó, chị T đã tự nguyện trả lại cho K số tiền gốc còn lại là 6.166.667 đồng.

33. Nguyễn Thị M, ký hiệu: 2_Nguyễn Thị M.

Ngày 13/5/2022, chị M vay từ K và C số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng; thời hạn vay 60 ngày, tiền phí 300.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,33%/ngày, tương đương 121,67%/năm và vượt 6,08 lần mức lãi suất cao nhất quy định. Khi cho vay, K và C thu trước 03 ngày cộng thêm tiền phí nên đưa cho chị M số tiền 9.100.000 đồng. Khoản vay này chị M đã trả được 25 ngày với số tiền 5.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 4.166.667 đồng, tiền lãi 833.333 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (Phí và lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 996.347 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 136.986 đồng. Sau đó, chị M đã tự nguyện trả lại cho K số tiền gốc còn lại của khoản vay là: 5.833.333 đồng.

34. Anh Phạm Văn V, ký hiệu: 1_Phạm Văn V.

Ngày 12/5/2022, anh V vay từ K và Q số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 250.000 đồng; thời hạn vay 48 ngày, tiền phí 300.00 đồng, tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,42%/ngày, tương đương 152,08%/năm và vượt 7,60 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q và anh V thống nhất đóng trước 03 ngày góp cộng thêm tiền phí nên anh V nhận số tiền 8.950.000 đồng. Khoản vay này anh V trả được 27 ngày với số tiền 6.750.000 đồng (trong đó tiền gốc 5.625.000 đồng, tiền lãi 1.125.000 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (tiền phí và lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 1.277.055 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 147.945 đồng. Sau đó, anh V đã tự nguyện trả cho K số tiền gốc còn lại là: 4.375.000 đồng.

35. Anh Lê Bá V, ký hiệu: 1_Lê Bá V.

Ngày 15/5/2022, anh V vay từ K và Q số tiền 20.000.000 đồng, mỗi ngày trả 400.000 đồng; thời hạn vay 60 ngày, tiền phí 500.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 24.500.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,33%/ngày, tương đương 121,67%/năm và vượt 6,08 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q và anh V thống nhất đóng trước 09 ngày cộng thêm tiền phí nên anh V nhận được số tiền 15.900.000 đồng. Khoản vay này anh V trả được 27 ngày với số tiền 10.600.000 đồng (trong đó tiền gốc 8.833.333 đồng, tiền lãi 1.766.667 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính

(tiền phí và lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 1.976.256 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 290.411 đồng. Sau đó, anh V đã tự nguyện trả lại cho K số tiền gốc là 5.166.667 đồng. Số tiền gốc còn lại là 6.000.000 đồng.

36. Chị Phan Thị T N, ký hiệu: 2_Phan Thị T N. Chị N vay của K và C hai lần:

Lần 1: Ngày 04/4/2022, chị N vay từ K và C số tiền 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 150.000 đồng; thời hạn vay 40 ngày, không lấy tiền phí, tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,5%/ngày, tương đương 182,50%/năm và vượt 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q và chị N thống nhất đóng trước 800.000 đồng nên chị N nhận được số tiền 4.200.000 đồng. Khoản vay này chị N đã trả đủ với số tiền 6.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 5.000.000 đồng, tiền lãi 1.000.000 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 890.411 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 109.589 đồng.

Lần 2: Ngày 24/5/2022, chị N vay từ K và C số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 250.000 đồng; thời hạn vay 48 ngày, không lấy tiền phí, tổng số tiền phải trả là 12.000.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,42%/ngày, tương đương 152,08%/năm và vượt 7,06 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q trừ nợ của khoản vay trước nên đưa cho chị N số tiền 7.200.000 đồng. Khoản vay này chị N đã trả được 33 ngày với số tiền 8.250.000 đồng (trong đó tiền gốc 6.875.000 đồng, tiền lãi 1.375.000 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 1.194.178 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 180.822 đồng. Sau đó, chị N đã tự nguyện trả cho K số tiền gốc còn lại của khoản vay là 3.125.000 đồng.

37. Chị Hoàng Thị Kim V, ký hiệu: 2_Hoàng Thị Kim V.

Ngày 05/5/2022, chị V vay từ K và C số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng; thời hạn vay 60 ngày, tiền phí 300.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,33%/ngày, tương đương 121,67%/năm và vượt 6,08 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q và chị V thống nhất đóng trước 03 ngày cộng thêm tiền phí nên chị V nhận được số tiền 9.100.000 đồng. Khoản vay này chị V trả được 35 ngày với số tiền 7.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 5.833.333 đồng, tiền lãi 1.166.667 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (tiền phí và lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 1.274.886 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 191.781 đồng. Số tiền gốc còn lại của khoản vay là 4.166.667 đồng.

38. Anh Trần Văn D, ký hiệu: 2_Trần Văn D.

Ngày 16/4/2022, anh D vay từ K và C số tiền 20.000.000 đồng, mỗi ngày trả 400.000 đồng; thời hạn vay 60 ngày, không lấy tiền phí, tổng số tiền phải trả là 24.000.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,33%/ngày, tương đương 121,67%/năm và vượt 6,08 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q và anh D thống nhất đóng trước 01 ngày nên anh D nhận được số tiền 19.600.000 đồng. Khoản vay này anh D trả được 42 ngày với số tiền 16.800.000 đồng (trong đó tiền gốc 14.000.000 đồng, tiền lãi 2.800.000 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (lãi suất vượt quá

mức lãi suất 20%/năm) là: 2.339.726 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 460.274 đồng. Sau đó anh D đã trả số tiền gốc còn lại của khoản vay cho K là 6.000.0000 đồng.

39. Chị Kỳ Thị Kim D, ký hiệu: 1_Kỳ Thị Kim D.

Ngày 25/4/2022, chị D vay từ K và Q số tiền 30.000.000 đồng, mỗi ngày trả 600.000 đồng; thời hạn vay 60 ngày, không lấy tiền phí, tổng số tiền phải trả là 36.000.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,33%/ngày, tương đương 121,67%/năm và vượt 6,08 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS; K, Q và chị D thống nhất đóng trước 4 ngày nên chị D nhận được số tiền 27.600.000 đồng. Khoản vay này chị D trả được 43 ngày với số tiền 25.800.000 đồng (trong đó tiền gốc 21.500.000 đồng, tiền lãi 4.300.000 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 3.593.151 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 706.849 đồng. Sau đó chị D đã trả số tiền gốc còn lại của khoản vay cho K là 8.500.0000 đồng.

40. Anh Trần Văn T, ký hiệu: 1_Trần Văn T.

Ngày 12/4/2022, anh T vay từ K và Q số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 250.000 đồng; thời hạn vay 48 ngày, không lấy tiền phí, tổng số tiền phải trả là 12.000.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,42%/ngày, tương đương 152,08%/năm và vượt 7,60 lần mức lãi suất cao nhất quy định; K, Q và anh T thống nhất đóng trước 4 ngày nên anh T nhận số tiền 9.000.000 đồng. Khoản vay này anh T trả được 43 ngày với số tiền 10.750.000 đồng (trong đó tiền gốc 8.958.333, tiền lãi 1.791.667 đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính (lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là: 1.556.050 đồng; tiền lãi ở mức 20%/năm là: 235.616 đồng. Sau đó, anh T đã tự nguyện trả cho K số tiền gốc còn lại là: 1.041.667 đồng.

* Đối với những người chưa làm việc được do chưa xác định được thông tin lai lịch và nơi cư trú. Tuy nhiên, Dương Văn K, Đỗ Anh Q và Nguyễn Văn C đã căn cứ phần mềm theo dõi, đối chiếu số liệu, xác nhận: Có 55 người vay 55 khoản, tổng số tiền cho vay là 584.000.000 đồng, số tiền người vay đã trả là 251.700.000 đồng (trong đó: tiền gốc là 209.230.000 đồng, tiền lãi là 42.470.000 đồng), tổng số tiền thu lợi bất chính là 36.919.589 đồng, gồm những người vay có tên sau đây:

01. Chị Nguyễn Thị L, ký hiệu: 2_Nguyễn Thị L.
02. Anh Lê Đức H; ký hiệu: 2_Lê Đức H.
03. Chị Trần Thị Như P; ký hiệu: 2_Trần Thị Như P.
04. Chị Hồ Thị M, ký hiệu: 2_Hồ Thị M.
05. Anh Hồ Đại L, ký hiệu: 2_Hồ Đại L.
06. Chị Lê Thị Hồng P; ký hiệu: 1_Lê Thị Hồng P.
07. Chị Đặng Thị P, ký hiệu: 2_Đặng Thị P.
08. Chị Trịnh Thị Minh L, ký hiệu: 2_Trịnh Thị Minh L.
09. Anh Đoàn C, ký hiệu: 2_Đoàn C.
10. Chị Trần Thị Kim B, ký hiệu: 2_Trần Thị Kim B.
11. Anh Trần Đình N, ký hiệu: 2_Trần Đình N.
12. Anh Trần Hữu T, ký hiệu: 2_Trần Hữu T.

13. Anh Trần Văn C, ký hiệu: 2_ Trần Văn C.
14. Anh Lê Văn T, ký hiệu: 2_ Lê Văn T.
15. Chị Nguyễn Thị Thảo V, ký hiệu: 2_ Nguyễn Thị Thảo V.
16. Anh Trần Anh D, ký hiệu: 2_ Trần Anh D.
17. Chị Nguyễn Thị P, ký hiệu: 1_ Nguyễn Thị P.
18. Chị Nguyễn Thị Lệ H, ký hiệu: 2_ Nguyễn Thị Lệ H.
19. Chị Nguyễn Thị H, ký hiệu: 1_ Nguyễn Thị H.
20. Anh Nguyễn Đôn Q, ký hiệu: 1_ Nguyễn Đôn Q.
21. Chị Nguyễn Thị Kim V, ký hiệu: 1_ Nguyễn Thị Kim V.
22. Anh Nguyễn Duy C, ký hiệu: 2_ Nguyễn Duy C.
23. Anh Hà Mạnh T, ký hiệu: 1_ Hà Mạnh T.
24. Chị Hà Thị V, ký hiệu: 2_ Hà Thị V.
25. Chị Nguyễn Thị Kim P, ký hiệu: 2_ Nguyễn Thị Kim P.
26. Anh Nguyễn Trọng B, ký hiệu: 2_ Nguyễn Trọng B.
27. Chị Nguyễn Thị Hồng Đ, ký hiệu: 2_ Nguyễn Thị Hồng Đ.
28. Anh Tống Quang C, ký hiệu: 1_ Tống Quang C.
29. Anh Trương Đình D, ký hiệu: 2_ Trương Đình D.
30. Anh Trần Đình C, ký hiệu: 2_ Trần Đình C.
31. Chị Hoàng Thị M, ký hiệu: 2_ Hoàng Thị M.
32. Chị Trần Thị Tuyết M; ký hiệu: 2_ Trần Thị Tuyết M.
33. Chị Trần Thị Mỹ H; ký hiệu: 2_ Trần Thị Mỹ H.
34. Chị Lê Thị Ly L; ký hiệu: 1_ Lê Thị Ly L.
35. Chị Nguyễn Xuân K, ký hiệu: 1_ Nguyễn Xuân K.
36. Chị Trần Thị Diễm M, ký hiệu: 1_ Trần Thị Diễm M.
37. Chị Hồ Thị Thu T, ký hiệu: 2_ Hồ Thị Thu T.
38. Chị Dương Thị Thu H, ký hiệu: 1_ Dương Thị Thu H.
39. Anh Dương Quang V, ký hiệu: 1_ Dương Quang V.
40. Anh Phạm Võ Đại Anh H, ký hiệu: 1_ Phạm Võ Đại Anh H.
41. Chị Đỗ Thị Thùy T, ký hiệu: 2_ Đỗ Thị Thùy T.
42. Anh Phạm P, ký hiệu: 2_ Phạm P.
43. Anh Trần Hồng V, ký hiệu: 1_ Trần Hồng V.
44. Chị Dương Thị D, ký hiệu: 1_ Dương Thị D.
45. Chị Dương Thị Huyền T, ký hiệu: 1_ Dương Thị Huyền T.
46. Anh Nguyễn Q, ký hiệu: 2_ Nguyễn Q.
47. Chị Trương Thị S, ký hiệu: 1_ Trương Thị S.
48. Chị Ngô Thị L, ký hiệu: 1_ Ngô Thị L.
49. Anh Nguyễn Công T, ký hiệu: 2_ Nguyễn Công T.
50. Anh Nguyễn Bá D, ký hiệu: 2_ Nguyễn Bá D.

51. Chị Nguyễn Thị P, ký hiệu: 2_ Nguyễn Thị P.
52. Anh Trần Quang T, ký hiệu: 2_ Trần Quang T.
53. Anh Trần Văn T, ký hiệu: 1_ Trần Văn T.
54. Anh Văn Trần Hoài B, ký hiệu: 1_ Văn Trần Hoài B.
55. Anh Lê Cảnh T, ký hiệu: 1_ Lê Cảnh T.

* *Vật chứng tạm giữ:*

- Tạm giữ từ Dương Văn K những đồ vật, tài liệu như sau:

+ 01 (một) USB màu đen, đỏ nhãn hiệu SanDisk mặt sau có dòng chữ Cruiser Glide 3.0 16GB...MADE IN MALAYSIA, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số IMEI 1: 353115113508625, số IMEI 2: 353115118508620 bên trong có sim điện thoại số 0787779698, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) điện thoại di động iPhone 8 Plus, màu đen, số Imei: 356733080462183, bên trong có sim điện thoại số 0878537597, đã qua sử dụng, .

+ 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu DELL Inspiron 15-5548 màu xám, đen, CMIIT ID: 2014AP5271, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) giấy mượn tiền đề tên Trần Văn D, sinh ngày: 27/6/1980, trú tại: P, L, thành phố Huế mượn số tiền 24.000.000 đồng ghi ngày 26/4/2022;

+ 01 (một) bản chính Giấy khai sinh mang tên Trần Thị Diễm Q số 88 cấp ngày 07/5/2019;

+ 01 (một) sổ hộ khẩu số 580098955, tên chủ hộ: Trần Hữu Quốc D, cấp ngày: 30/9/2019.

+ 05 (năm) tờ giấy có chữ “BÃI GỬI XE...” trong đó có ghi nội D khách cũ, khách mới;

+ 01 (một) căn cước công dân số 046069009046 cấp ngày 28/6/2021, nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH, mang tên Nguyễn H, sinh ngày: 05/10/1969.

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu xanh đen bạc, biển số 75F1-930.69 (kèm giấy đăng ký xe và giấy mua bán xe).

- Tạm giữ từ Nguyễn Văn C, Đỗ Anh Q đồ vật, tài liệu:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số IMEI: 351928/05/468771/7 bên trong có sim số: 0768446718, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số IMEI: 352404/05/397499/2 bên trong có sim số: 0768446714, đã qua sử dụng.

* Tại bản Kết luận giám định số 345/KL-KTHS ngày 12/10/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế về việc giám định kỹ thuật số điện tử đối với tang vật thu giữ được, xác định:

- Tìm thấy và trích xuất được 01 (một) tập tin có tên “bat ho” có cùng nội D được lưu trong USB màu đen, đỏ nhãn hiệu SanDisk mặt sau có dòng chữ Cruiser và lưu trên màn hình máy tính xách tay nhãn hiệu DELL Inspiron 15-5548 màu xám, đen, CMIIT ID: 2014AP5271.

- Không tìm thấy dữ liệu danh bạ trên điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA

màu đen, số Imei1: 356819638376882, số Imei2: 356819639376881.

- Tìm thấy 37 (ba mươi bảy) nội dung danh bạ trong Sim Viettel có dãy số 8984048008811177120.

* Tại bản Kết luận giám định số 203/KL-KTHS ngày 12/10/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế về việc giám định kỹ thuật số điện tử đối với tang vật thu giữ được, xác định:

- Tìm thấy 30 (ba mươi) nội D danh bạ trong điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số IMEI: 351928/05/468771/7.

- Tìm thấy 25 (hai mươi lăm) nội D danh bạ trong điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số IMEI: 352404/05/397499/2.

Đối với số tiền 47.358.716 đồng trong tài khoản Ngân hàng Techcombank số 19036630221019 của Dương Văn K, số tiền 2.389.419 đồng trong tài khoản Techcombank số 1903823395011 của Đỗ Anh Q và số tiền 4.719.101 đồng trong tài khoản Techcombank số 19038248936019 của Nguyễn Văn C đây là tiền K, Q, C dùng để cho vay và người vay chuyển tiền góp vào nên đã ra Q định xử lý vật chứng chuyển toàn bộ ba khoản tiền này vào tài khoản tạm giữ số 3949.0.9017628 của Công an thành phố Huế mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế để phục vụ công tác điều tra, xử lý.

* *Về trách nhiệm dân sự:* Không ai có yêu cầu gì.

* *Về xử lý vật chứng:* Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại các giấy tờ tùy thân cho người sở hữu hoặc đại diện hợp pháp của họ; đối với các vật chứng còn lại, đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự để đảm bảo cho việc xét xử, thi hành án

Tại bản cáo trạng số 296/CT-VKSTPH ngày 14 tháng 11 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế truy tố các bị cáo Dương Văn K, Đỗ Anh Q và Nguyễn Văn C về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân T phố Huế đề nghị Hội đồng xét xử:

- TU bố các bị cáo Dương Văn K, Đỗ Anh Q và Nguyễn Văn C phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Dương Văn K từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Văn C và bị cáo Đỗ Anh Q, mỗi bị cáo từ 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng.

- Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự;

+ Buộc bị cáo Dương Văn K phải nộp lại số tiền gốc đã thu được từ 95 người vay tổng cộng là 953.063.333 đồng và số tiền lãi không vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 15.226.849 đồng để nộp vào Ngân sách nhà nước. Tổng cộng 968.290.182 đồng. Được khấu trừ số tiền mà các bị cáo đã bị tạm giữ 54.467.236 đồng. Bị cáo K còn phải nộp số tiền là 913.822.946 đồng.

+ Buộc bị cáo Dương Văn K phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (*là 40 người vay đã xác M được thông tin lai lịch*) số tiền thu lợi bất chính tổng cộng là 60.891.898 đồng. Trong đó số tiền bị cáo phải trả lại cho từng người cụ thể như sau: Lê D số tiền 155.822 đồng, Nguyễn Thị Mỹ D số tiền 333.562 đồng, Huỳnh Ngọc T số tiền 767.580 đồng, Nguyễn Ngọc T số tiền 5.152.969 đồng, Nguyễn Thị PH L số tiền 651.370 đồng, Hoàng Thị T H số tiền 278.539 đồng, Nguyễn H số tiền 612.785 đồng, Trần Hữu Hoàng M số tiền 2.005.480 đồng, Trương Quý T số tiền 334.247, Hoàng Thị T số tiền 4.410.959 đồng, Trần Thị L số tiền 2.633.333 đồng, Trần Hữu Quốc D số tiền 1.397.032 đồng, Hoàng Trọng T số tiền 605.479 đồng, Nguyễn Tất L số tiền 1.001.370 đồng, Phan Thị Thủy Tiên số tiền 1.504.110 đồng, Ngô Thị Minh N số tiền 605.479 đồng, Hồ Ngô Phúc Hiếu T số tiền 1.531.507 đồng, Trần Thị L số tiền 1.101.370 đồng, Lê H số tiền 1.891.781 đồng, Nguyễn Thị Thùy V số tiền 845.890 đồng, Nguyễn Hoàng Hạ U số tiền 467.466 đồng, Nguyễn T số tiền 752.055 đồng, Hoàng Kim Đ số tiền 1.058.447 đồng, Huỳnh Văn B số tiền 645.205 đồng, Nguyễn Việt Q số tiền 1.447.489 đồng, Hà Thị A số tiền 3.064.384 đồng, Đỗ Đăng G số tiền 3.063.927 đồng, Huỳnh Thị Tuyết L số tiền 934.932 đồng, Trần Việt L số tiền 1.225.571 đồng, Nguyễn Thị G số tiền 3.883.562 đồng, Nguyễn Thị T số tiền 840.639 đồng, Nguyễn Thị M số tiền 996.347 đồng, Phạm Văn V số tiền 1.277.055 đồng, Lê Bá V số tiền 1.976.256 đồng, Phan Thị T N số tiền 2.084.589 đồng, Hoàng Thị Kim V số tiền 1.274.886 đồng, Trần Văn D số tiền 2.339.726 đồng, Kỳ Thị Kim D số tiền 3.593.151 đồng, Trần Văn T số tiền 1.556.050 đồng và Trương Thị Hồng L số tiền 589.498 đồng.

+ Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (*đã rõ nhân thân, lai lịch*) nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền gốc chưa trả tổng cộng là 68.166.667 đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước. Trong đó số tiền mỗi người phải nộp lại như sau: Anh Trần Hữu Hoàng M nộp lại số tiền 3.000.000 đồng, anh Trương Quý T nộp lại số tiền 8.000.000 đồng, chị Trần Thị L nộp lại số tiền 7.833.333 đồng, chị Phan Thị Thủy T nộp lại số tiền 21.000.000 đồng, chị Trần Thị L nộp lại số tiền 5.500.000 đồng, anh Trần Việt L nộp lại số tiền 12.666.667 đồng, anh Lê Bá V nộp lại số tiền 6.000.000 đồng và chị Hoàng Thị Kim V nộp lại số tiền 4.166.667 đồng.

- Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 36.919.589 đồng mà bị cáo K thu lợi bất chính từ 55 người vay chưa rõ nhân thân, lai lịch cũng như số tiền gốc mà những người này chưa trả cho K do chưa xác định được thông tin nhân thân, lai lịch và chỗ ở của những người này nên chưa có cơ sở để giải Q. Do đó cần tách ra để giải Q bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự

+ Tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước gồm:

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số IMEI 1: 353115113508625, số IMEI 2: 353115118508620 bên trong có sim điện thoại số 0787779698, đã qua sử dụng;

01 (một) điện thoại di động iPhone 8 Plus, màu đen, số Imei:

356733080462183, bên trong có sim điện thoại số 0878537597, đã qua sử dụng;

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số IMEI: 351928/05/468771/7 bên trong có sim số: 0768446718, đã qua sử dụng;

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số IMEI: 352404/05/397499/2 bên trong có sim số: 0768446714, đã qua sử dụng;

01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu DELL Inspiron 15-5548 màu xám, đen, CMIIT ID: 2014AP5271, đã qua sử dụng;

01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu xanh đen bạc, biển số 75F1-930.69 (kèm giấy đăng ký xe và giấy mua bán xe).

Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 54.467.236 đồng.

- Đối với 01 (một) USB màu đen, đỏ nhãn hiệu SanDisk mặt sau có dòng chữ Cruzer Glide 3.0 16GB...MADE IN MALAYSIA, đã qua sử dụng đã được trích xuất dữ liệu phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử và không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu, tiêu hủy.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2022 đến ngày 08/6/2022, tại thành phố Huế và các địa bàn lân cận, Dương Văn K, Nguyễn Văn C, Đỗ Anh Q đã cho 95 người vay (trả góp gốc và lãi hàng ngày) với tổng 105 lượt vay, tổng số tiền dùng cho vay là 1.396.000.000 đồng với mức lãi suất cho vay cao gấp 6,08 lần đến 9,13 lần mức lãi suất tối đa mà pháp luật quy định. Tổng số tiền lãi ở mức 20%/năm là 15.226.849 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 97.811.487 đồng (trong đó tiền phí là 5.950.000 đồng).

Với hành vi nêu trên, các bị cáo Dương Văn K, Nguyễn Văn C và Đỗ Anh Q bị Viện kiểm sát nhân dân T phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; nhận thức rõ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vì vụ lợi nên vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ mà còn làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương nên cần xử lý nghiêm.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; vai trò của mỗi bị cáo thấy rằng: Các bị cáo phạm vào tội ít nghiêm trọng và có tính chất đồng phạm giản đơn. Trong đó: Dương Văn K là người cung cấp nguồn tiền để cho vay, quản lý, điều hành việc cho vay, thu nợ nên phải chịu trách nhiệm hình sự chính. Nguyễn Văn C và Đỗ Anh Q là người giúp sức tích cực cho K, chịu sự điều hành

của K và trực tiếp thực hiện hành vi cho vay lãi suất nặng nên phải chịu trách nhiệm với vai trò là đồng phạm giúp sức, thực hành tích cực.

[4] Về đặc điểm nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Các bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã T khân khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt các bị cáo bằng một hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[5] Về biện pháp tư pháp:

- Bị cáo Dương Văn K là người cung cấp tiền cho vay, các bị cáo Đỗ Anh Q và Nguyễn Văn C sau khi thu được tiền từ người vay đều nộp lại cho bị cáo K. Do đó cần áp dụng biện pháp tư pháp đối với bị cáo Dương Văn K như sau:

+ Đối với số tiền gốc đã thu được từ 95 người vay tổng cộng là 953.063.333 đồng, đây là số tiền được sử dụng vào việc cho vay và là pH tiện phạm tội nên cần truy thu nộp vào ngân sách nhà nước.

+ Đối với số tiền lãi không vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự mà các bị cáo đã thu được từ 95 người vay tổng cộng là 15.226.849 đồng. Số tiền này được dùng để làm vốn cho vay quay vòng và là pH tiện phạm tội nên cần truy thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Như vậy tổng số tiền truy thu từ bị cáo để nộp vào Ngân sách Nhà nước là 953.063.333 đồng + 15.226.849 đồng = 968.290.182 đồng. Khấu trừ số tiền mà bị cáo đã bị tạm giữ 54.467.236 đồng. Bị cáo K còn phải nộp số tiền là 913.822.946 đồng.

+ Đối với số tiền lãi vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và tiền phí đã thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (là 40 người vay đã xác M được nhân thân, lai lịch) tổng cộng là 60.891.898 đồng, đây là số tiền thu lợi bất chính nên cần buộc bị cáo K phải trả lại cho những người này. Trong đó số tiền bị cáo K phải trả lại cho từng người cụ thể như sau: Lê D số tiền 155.822 đồng, Nguyễn Thị Mỹ D số tiền 333.562 đồng, Huỳnh Ngọc T số tiền 767.580 đồng, Nguyễn Ngọc T số tiền 5.152.969 đồng, Nguyễn Thị PH L số tiền 651.370 đồng, Hoàng Thị T H số tiền 278.539 đồng, Nguyễn H số tiền 612.785 đồng, Trần Hữu Hoàng M số tiền 2.005.480 đồng, Trương Quý T số tiền 334.247, Hoàng Thị T số tiền 4.410.959 đồng, Trần Thị L số tiền 2.633.333 đồng, Trần Hữu Quốc D số tiền 1.397.032 đồng, Hoàng Trọng T số tiền 605.479 đồng, Nguyễn Tất L số tiền 1.001.370 đồng, Phan Thị Thủy T số tiền 1.504.110 đồng, Ngô Thị Minh N số tiền 605.479 đồng, Hồ Ngô Phúc Hiếu T số tiền 1.531.507 đồng, Trần Thị L số tiền 1.101.370 đồng, Lê H số tiền 1.891.781

đồng, Nguyễn Thị Thùy V số tiền 845.890 đồng, Nguyễn Hoàng Hạ U số tiền 467.466 đồng, Nguyễn T số tiền 752.055 đồng, Hoàng Kim Đ số tiền 1.058.447 đồng, Huỳnh Văn B số tiền 645.205 đồng, Nguyễn Việt Q số tiền 1.447.489 đồng, Hà Thị A số tiền 3.064.384 đồng, Đỗ Đăng G số tiền 3.063.927 đồng, Huỳnh Thị Tuyết L số tiền 934.932 đồng, Trần Việt L số tiền 1.225.571 đồng, Nguyễn Thị G số tiền 3.883.562 đồng, Nguyễn Thị T số tiền 840.639 đồng, Nguyễn Thị M số tiền 996.347 đồng, Phạm Văn V số tiền 1.277.055 đồng, Lê Bá V số tiền 1.976.256 đồng, Phan Thị T N số tiền 2.084.589 đồng, Hoàng Thị Kim V số tiền 1.274.886 đồng, Trần Văn D số tiền 2.339.726 đồng, Kỳ Thị Kim D số tiền 3.593.151 đồng, Trần Văn T số tiền 1.556.050 đồng và Trương Thị Hồng L số tiền 589.498 đồng.

- Đối với số tiền gốc của 07 người vay (đã rõ nhân thân, lai lịch) chưa trả, tổng cộng là 68.166.667 đồng. Do đây là pH tiện phạm tội nên cần truy thu nộp vào Ngân sách Nhà nước. Trong đó số tiền mỗi người phải nộp lại như sau: Anh Trần Hữu Hoàng M nộp lại số tiền 3.000.000 đồng, anh Trương Quý T nộp lại số tiền 8.000.000 đồng, chị Trần Thị L nộp lại số tiền 7.833.333 đồng, chị Phan Thị Thủy T nộp lại số tiền 21.000.000 đồng, chị Trần Thị L nộp lại số tiền 5.500.000 đồng, anh Trần Việt L nộp lại số tiền 12.666.667 đồng, anh Lê Bá V nộp lại số tiền 6.000.000 đồng và chị Hoàng Thị Kim V nộp lại số tiền 4.166.667 đồng.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 36.919.589 đồng mà bị cáo K thu lợi bất chính từ 55 người vay chưa rõ nhân thân, lai lịch cũng như số tiền gốc mà những người này chưa trả cho K do chưa xác định được thông tin nhân thân, lai lịch và chỗ ở của những người này nên chưa có cơ sở để giải Q. Do đó cần áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự tách ra để giải Q bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số IMEI 1: 353115113508625, số IMEI 2: 353115118508620 bên trong có sim điện thoại số 0787779698, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone 8 Plus, màu đen, số Imei: 356733080462183, bên trong có sim điện thoại số 0878537597, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số IMEI: 351928/05/468771/7 bên trong có sim số: 0768446718, đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số IMEI: 352404/05/397499/2 bên trong có sim số: 0768446714, đã qua sử dụng. Đây là các pH tiện mà các bị cáo dùng liên lạc với những người vay để thực hiện việc cho vay lãi nặng nên cần tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu DELL Inspiron 15-5548 màu xám, đen, CMIIT ID: 2014AP5271, đã qua sử dụng. Là pH tiện bị cáo K dùng để quản lý thông tin người vay nên cần tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu xanh đen bạc, biển số 75F1-930.69 (kèm giấy đăng ký xe và giấy mua bán xe) là pH tiện mà các bị cáo sử dụng để pH tiện thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 54.467.236 đồng: Là số tiền mà

các bị cáo dùng để thực hiện việc cho vay lãi nặng và của những người vay chuyên tiền góp nên về ngU tắc cần tịch thu, nộp vào Ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, do đã tU buộc bị cáo nộp Lại tiền thu của những người vay ở phần trên nên số tiền này được khấu trừ vào khoản tiền mà bị cáo K bị truy thu nộp lại.

Đối với 01 (một) USB màu đen, đỏ nhãn hiệu SanDisk mặt sau có dòng chữ Cruzer Glide 3.0 16GB...MADE IN MALAYSIA, đã qua sử dụng. Đây là pH tiện mà bị cáo K dùng để lưu thông tin của những người vay là pH tiện phạm tội. Vật chứng này đã được trích xuất dữ liệu phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 (một) giấy mượn tiền đề tên Trần Văn D, sinh ngày: 27/6/1980, trú tại: P, L, T phố Huế mượn số tiền 24.000.000 đồng ghi ngày 26/4/2022 và 05 (năm) tờ giấy có chữ “BÃI GỬI XE...” trong đó có ghi nội D khách cũ, khách mới cần tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

[9] Về tính hợp pháp của các hành vi, Q định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Điều tra viên, Kiểm sát viên khi thực hiện hành vi cũng như ban hành các Q định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Q định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó hành vi, Q định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng trong vụ án này đã thực hiện điều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Dương Văn K(T), Nguyễn Văn C và Đỗ Anh Q phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Dương Văn K số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Đỗ Anh Q số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự;

- Truy thu bị cáo Dương Văn K số tiền 968.290.182 đồng (*Trong đó tiền gốc mà người vay đã trả cho bị cáo là 953.063.333 đồng; tiền lãi không vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự mà bị cáo đã thu từ người vay là 15.226.849 đồng*) để nộp vào ngân sách Nhà nước. NH được khấu trừ số tiền mà bị cáo đã bị tạm giữ là 54.467.236 đồng. Bị cáo còn phải nộp số tiền là 913.822.946 đồng (Chín trăm mười ba triệu tám trăm hai mươi hai nghìn chín trăm bốn mươi sáu đồng).

- Truy thu nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án như sau: Anh Trần Hữu Hoàng M số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng); anh Trương Quý T số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng); chị Trần Thị L số tiền 7.833.333 đồng (bảy triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng); chị Phan Thị Thủy T số tiền 21.000.000 đồng (hai mươi một triệu đồng); chị Trần Thị L số tiền 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng); anh Trần Việt L số tiền 12.666.667 đồng mười hai triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng); anh Lê Bá V số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) và chị Hoàng Thị Kim V số tiền 4.166.667 đồng (bốn triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

- Buộc bị cáo Dương Văn K phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (là 40 người vay đã xác M được thông tin, lai lịch) số tiền thu lợi bất chính tổng cộng 60.891.898 đồng (sáu mươi triệu tám trăm chín mươi một nghìn tám trăm chín mươi tám đồng). Trong đó số tiền bị cáo phải trả lại cho từng người cụ thể như sau: Lê D số tiền 155.822 đồng (một trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm hai mươi hai đồng); Nguyễn Thị Mỹ D số tiền 333.562 đồng (ba trăm ba mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng); Huỳnh Ngọc T số tiền 767.580 đồng (bảy trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm tám mươi đồng); Nguyễn Ngọc T số tiền 5.152.969 đồng (năm triệu một trăm năm mươi hai nghìn chín trăm sáu mươi chín đồng); Nguyễn Thị Phương L số tiền 651.370 đồng (sáu trăm năm mươi một nghìn ba trăm bảy mươi đồng); Hoàng Thị Thanh H số tiền 278.539 đồng (hai trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm ba mươi chín đồng); Nguyễn H số tiền 612.785 đồng (sáu trăm mười hai nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng); Trần Hữu Hoàng M số tiền 2.005.480 đồng (hai triệu không trăm lẻ năm nghìn bốn trăm tám mươi đồng); Trương Quý T số tiền 334.247 (ba trăm ba mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng); Hoàng Thị T số tiền 4.410.959 đồng (bốn triệu bốn trăm mười nghìn chín trăm năm mươi chín đồng); Trần Thị L số tiền 2.633.333 đồng (hai triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng); Trần Hữu Quốc D số tiền 1.397.032 đồng (một triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn không trăm ba mươi hai đồng); Hoàng Trọng T số tiền 605.479 đồng (sáu trăm lẻ năm nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng); Nguyễn Tất L số tiền 1.001.370 đồng (Một triệu không trăm lẻ một nghìn ba trăm bảy mươi đồng); Phan Thị Thủy T số tiền 1.504.110 đồng (một triệu năm trăm lẻ bốn nghìn một trăm mười đồng); Ngô Thị Minh N số tiền 605.479 đồng (sáu trăm lẻ năm nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng); Hồ Ngô Phúc Hiếu T số tiền 1.531.507 đồng (một triệu năm trăm ba mươi một nghìn năm trăm lẻ bảy đồng); Trần Thị L số tiền 1.101.370 đồng (một triệu một trăm lẻ một nghìn ba trăm bảy mươi đồng); Lê H số tiền 1.891.781 đồng (một triệu tám trăm chín mươi một nghìn bảy trăm tám mươi một đồng); Nguyễn Thị Thùy V số tiền 845.890 đồng (tám trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi đồng); Nguyễn Hoàng Hạ U số tiền 467.466 đồng (bốn trăm sáu mươi bảy nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng); Nguyễn T số tiền 752.055 đồng (bảy trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi lăm đồng); Hoàng Kim Đ số tiền 1.058.447 đồng (một triệu không trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm bốn mươi bảy đồng); Huỳnh Văn B số tiền 645.205 đồng (sáu trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm lẻ năm đồng); Nguyễn Việt Q số tiền

1.447.489 đồng (một triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm tám mươi chín đồng); Hà Thị A số tiền 3.064.384 đồng (ba triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng); Đỗ Đăng G số tiền 3.063.927 đồng (ba triệu không trăm sáu mươi ba nghìn chín trăm hai mươi bảy đồng); Huỳnh Thị Tuyết L số tiền 934.932 đồng (chín trăm ba mươi bốn nghìn chín trăm ba mươi hai đồng); Trần Việt L số tiền 1.225.571 đồng (một triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm bảy mươi một đồng); Nguyễn Thị G số tiền 3.883.562 đồng (ba triệu tám trăm tám mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng); Nguyễn Thị T số tiền 840.639 đồng (tám trăm bốn mươi nghìn sáu trăm ba mươi chín đồng); Nguyễn Thị M số tiền 996.347 đồng (chín trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm bốn mươi bảy đồng); Phạm Văn V số tiền 1.277.055 đồng (một triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm năm mươi lăm đồng); Lê Bá V số tiền 1.976.256 đồng (một triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi sáu đồng); Phan Thị T N số tiền 2.084.589 đồng (hai triệu không trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm tám mươi chín đồng); Hoàng Thị Kim V số tiền 1.274.886 đồng (một triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn tám trăm tám mươi sáu đồng); Trần Văn D số tiền 2.339.726 đồng (hai triệu ba trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng); Kỳ Thị Kim D số tiền 3.593.151 đồng (ba triệu năm trăm chín mươi ba nghìn một trăm năm mươi một đồng); Trần Văn T số tiền 1.556.050 đồng (một triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn không trăm năm mươi đồng) và Trương Thị Hồng L số tiền 589.498 đồng (năm trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm chín mươi tám đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tách ra để giải Q bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu đối với số tiền 36.919.589 đồng mà bị cáo thu lợi bất chính của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa xác M được thông tin, lai lịch cũng như số tiền gốc mà những người này chưa trả cho K (*là 55 người vay chưa rõ nhân thân, lai lịch*).

5. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số IMEI 1: 353115113508625, số IMEI 2: 353115118508620 bên trong có sim điện thoại số 0787779698, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động iPhone 8 Plus, màu đen, số Imei: 356733080462183, bên trong có sim điện thoại số 0878537597, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số IMEI: 351928/05/468771/7 bên trong có sim số: 0768446718, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số IMEI: 352404/05/397499/2 bên trong có sim số: 0768446714, đã qua sử dụng; 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu DELL Inspiron 15-5548 màu xám, đen, CMIIT ID: 2014AP5271, đã qua sử dụng; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu xanh đen bạc, biển số 75F1-930.69 (kèm giấy đăng ký xe và giấy mua bán xe); tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 54.467.236 đồng.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) USB màu đen, đỏ nhãn hiệu SanDisk mặt sau có dòng chữ Cruiser Glide 3.0 16GB...MADE IN MALAYSIA, đã qua sử dụng.

Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án: 01 (một) giấy mượn tiền đề tên Trần Văn D, sinh ngày: 27/6/1980, trú tại: P, L, T phố Huế mượn số tiền 24.000.000 đồng ghi ngày 26/4/2022; 05 (năm) tờ giấy có chữ “BÃI GỬI XE...” trong đó có ghi nội D khách cũ, khách mới;

Các vật chứng này có các đặc điểm biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/11/2022 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T phố Huế và Chi cục thi hành án dân sự T phố Huế và theo giấy nộp tiền số 8493076 ngày 15/11/2022 tại Ngân hàng TMCP Công tH Việt Nam.

6. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị Q 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Buộc các bị cáo Dương Văn K, Nguyễn Văn C và Đỗ Anh Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi Hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Án sơ thẩm xét xử công khai, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tU án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Tôn M Hiền

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở tư pháp tỉnh TT Huế;
- Phòng PV 06 CA tỉnh TT Huế;
- VKSND TP Huế;
- CA T phố Huế;
- Chi cục THADS T phố Huế;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tôn Minh Hiền